

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất đối với khu đất của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Senco Quy Nhơn tại thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê nặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh về việc cho Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Senco Quy Nhơn thuê đất để xây dựng Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 1) tại thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 796/TTr-STNMT ngày 04/10/2022; ý kiến đề xuất của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Văn bản số 79/HĐTĐGD ngày 03/10/2022 (kèm theo Chứng thư thẩm định giá số 09220154/2022/CT-MHD ngày 22/9/2022 của Công ty TNHH Thẩm định giá MHD).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất đối với khu đất của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Senco Quy Nhơn thuê đất để xây dựng Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 1) tại thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, cụ thể như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Giá đất SXKD phi nông nghiệp cụ thể để tính tiền thuê đất được phê duyệt (đồng/m ²)
1	Khu đất Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Senco Quy Nhơn thuê để xây dựng Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 1) tại thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước	33.238,6	2.706.800

Điều 2. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cụ thể được phê duyệt tại Điều 1 để làm cơ sở cho cơ quan thuế tính tiền thuê đất hàng năm đối với Khu đất nêu trên theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Senco Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục Thuế khu vực Tuy Phước - Vân Canh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh